

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa (giai đoạn 1967- 1973), xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14, Luật số 45/2024/QH15; Luật số 47/2024/QH15; Luật số 55/2024/QH15; Luật số 61/2024/QH15; Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân công thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa (giai đoạn 1967 - 1973), xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa (giai đoạn 1967 - 1973), xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9699/SXD-HĐXD ngày 29/10/2025 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 9656/SXD-HĐXD ngày 28/10/2025; ý kiến tham gia của các đơn vị và hồ sơ, tài liệu liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa (giai đoạn 1967 - 1973), xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Lý do điều chỉnh

Thực hiện chủ trương đầu tư điều chỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

2.1. Điều chỉnh tên dự án

Điều chỉnh tên dự án tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Từ “Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa (giai đoạn 1967-1973) xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa” thành “Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa (giai đoạn 1967-1973) xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa”.

2.2. Điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án

Điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Từ “xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa” thành “xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa”.

2.3. Điều chỉnh Chủ đầu tư

Điều chỉnh chủ đầu tư tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Từ “UBND huyện Thiệu Hóa” thành “Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thiệu Hóa”.

2.4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án tại Khoản 12 Điều 1 Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Từ “Không quá 3 năm (2020- 2022)” thành “Thời gian thực hiện dự án đến hết quý II năm 2026”.

2.5. Điều chỉnh nguồn vốn

Điều chỉnh nguồn vốn tại Khoản 10 Điều 1 Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Từ “Vốn ngân sách tỉnh 25.300 triệu đồng; vốn ngân sách huyện Thiệu Hóa 4.500 triệu đồng” thành “Vốn ngân sách tỉnh 31.748 triệu đồng, ngân sách huyện Thiệu Hóa (đã bố trí trước khi hoàn thành sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp) 5.752 triệu đồng”.

2.6. Điều chỉnh tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 37.500.000.000 đồng; trong đó:

- Chi phí đền bù GPMB:	5.315.962.552 đồng;
- Chi phí xây dựng:	28.364.070.828 đồng
- Chi phí thiết bị:	316.783.160 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	748.570.289 đồng;
- Chi phí TVĐTXD	2.119.781.243 đồng;
- Chi phí khác	186.620.447 đồng;
- Chi phí dự phòng	448.212.481 đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

2.7. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thiệu Hóa) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện dự án đúng quy định pháp luật, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

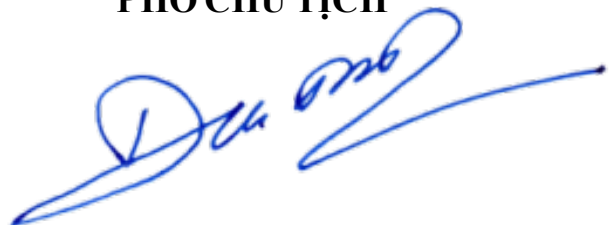
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thiệu Hóa; Chủ tịch UBND xã Thiệu Trung; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh Hoàng Văn Thi;
- Lưu: VT, THKH, KTTC, VHXX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đâu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ SAU ĐIỀU CHỈNH
Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh
Hóa (giai đoạn 1967 - 1973), xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng.

TT	Hạng mục chi phí	Theo Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 17/04/2020	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch tăng(+), giảm(-)
I	ĐỀN BÙ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	2.258.967.000	5.315.961.552	3.056.994.552
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	21.308.309.362	28.364.070.828	7.055.761.467
1	Khu tu bổ, tôn tạo di tích	4.464.545.000	4.772.875.959	308.330.959
2	Khu xây dựng hoàn trả các công trình thuộc phạm vi GPMB thực hiện dự án	6.157.686.068	8.420.264.843	2.262.578.775
3	Hạ tầng kỹ thuật, PCCC, cây xanh - cảnh quan	9.609.755.246	11.802.458.688	2.192.703.442
4	Chi phí nội thất	1.076.323.047	1.394.747.000	318.423.953
5	Bù giá nhiên liệu, vật liệu		2.170.989.175	2.170.989.175
6	Giá trị giảm trừ theo kiểm toán nhà nước khu vực XI)		-197.264.838	-197.264.838
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	298.393.000	316.783.160	18.390.160
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	550.343.463	748.570.289	191.289.341
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	2.211.765.734	2.119.781.243	-91.984.491
1	Chi phí khảo sát bước lập dự án	102.426.000	102.426.000	0
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	3.072.780	3.072.780	0
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	191.835.008	191.835.008	0
4	Chi phí giám sát công tác khảo sát XD bước lập dự án	4.170.787	4.170.787	0
5	Chi phí khảo sát lập thiết kế BVTC	200.000.000	200.000.000	0
6	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	634.758.607	703.428.957	68.670.350
7	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát thiết kế BVTC	6.000.000	3.527.000	-2.473.000
8	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng bước lập BVTKTC	8.144.000	5.269.000	-2.875.000
9	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	47.986.490	48.786.202	799.712
10	Chi phí thẩm tra dự toán	47.080.563	47.084.358	3.795
11	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	2.518.437	1.888.028	-630.409

12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	613.714.378	690.665.125	76.950.747
13	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	5.179.630	11.765.000	6.585.370
14	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	74.879.053	80.552.000	5.672.947
15	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT mua sắm vật tư thiết bị	0	1.463.000	1.463.000
16	Chi phí lập, thẩm tra định mức mới, định mức điều chỉnh	200.000.000	0	-200.000.000
17	Chi phí thẩm định giá thiết bị	50.000.000	3.848.000	-46.152.000
18	Chi phí lập kế hoạch BVMT	20.000.000	20.000.000	0
VI	CHI PHÍ KHÁC	449.414.043	186.620.447	-262.793.596
1	Chi phí bảo hiểm công trình	17.046.647	19.154.771	2.108.124
2	Phí thẩm định dự án	4.779.920	4.779.920	0
3	Chi phí kiểm toán	272.409.250	0	-272.409.250
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	83.942.875	105.502.875	21.560.000
5	Phí thẩm duyệt PCCC	1.864.160	0	-1.864.160
6	Thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công XDCT	19.371.190	24.230.659	4.859.469
7	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng, tư vấn thiết kế BVTC		2.000.000	2.000.000
8	Chi phí kiểm tra nghiệm thu chất lượng công trình	50.000.000	30.952.221	-19.047.779
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	2.722.807.399	448.212.481	-2.274.594.918
1	Chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng	2.481.822.560	448.212.481	-2.033.610.079
2	Chi phí dự phòng do trượt giá	240.984.839	0	-240.984.839
	TỔNG CỘNG	29.800.000.000	37.500.000.000	7.700.000.000